

Bản án số: 12/2024/DS-PT

Ngày 27 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hoàng Hải Anh

**Các Thẩm phán:** - Ông Phạm Hồng Quân.

- Bà Đỗ Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLPT-DS ngày 05-6-2024, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 17-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐ-PT ngày 31/7/2024 và số 15/2024/QĐ-PT ngày 15/8/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân Hng A (sau đây gọi tắt là A). Địa chỉ: Số 2, đường Láng Hạ, phường T1 Công, quận Ba Đình, T1 phố H Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Ngọc T - Giám đốc A - Chi nhánh huyện V Yên Bái.

Người được ủy quyền lại: Ông La Xuân H – Phó giám đốc A - Chi nhánh huyện V Yên Bái

Địa chỉ: TDP P 1, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1

Trú tại: Tổ 6 (tổ 8 cũ), TTNT L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Điều vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị Bạch H và anh Phạm Tiến H2 (Anh H2 ủy quyền cho chị H). Chị H có mặt.

Cùng trú tại: Tổ A 2, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

- Chị Nguyễn Thị H3 và anh Nguyễn Văn D (Anh D ủy quyền cho chị H3).

Chị H3 có mặt.

Cùng trú tại: Tổ 4, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

- Anh Nguyễn Thái HA, sinh năm 2000.

Trú tại: Tổ 4, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Cháu Nguyễn TN, sinh năm 2008.

Trú tại: Tổ 4, phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn TN: Chị Nguyễn Thị H3 và anh Nguyễn Văn D (là cha mẹ, đẻ). Chị H3 có mặt.

*4. Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1979.

ĐKNKTT: Tổ A, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Tạm trú tại: Tổ 3, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

\* Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đại diện nguyên đơn - A trình bày: Năm 2018, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 vay vốn tại A - Chi nhánh huyện Văn Chấn - Phòng giao dịch Liên Sơn. Hai bên đã ký kết hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 379/HĐTD vào ngày 13/11/2018. Phương thức cho vay theo hạn mức, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, số tiền vay là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng. Ngày 13/11/2018, A đã giải ngân số tiền trên cho chị Nguyễn Thị T. Thời hạn trả nợ vào ngày 14/5/2019. Tài sản thế chấp cho khoản vay đó đã được chị Nguyễn Thị Bạch H cùng chồng là anh Phạm Tiến H2 dùng tài sản là nH và đất tại tổ 4, phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số seri CK 745690 thửa đất số 21 tờ bản đồ số 39 đứng tên chị Nguyễn Thị Bạch H bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp chị T và anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để bảo đảm cho khoản vay được công chứng tại Phòng công chứng số 2 – tỉnh Yên Bái và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất thị xã Nghĩa Lộ.

Quá trình thực hiện HĐTD chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa trả bất cứ khoản tiền gốc, tiền lãi nào cho A. A đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải trả 2.000.000.000 đồng tiền gốc; lãi tính đến thời điểm xét xử ngày 17/4/2024 gồm lãi trong hạn là 75.205.500 đồng, lãi quá hạn là 1.109.589.000, lãi chậm trả lãi là 37.087.600 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại HĐTD số: 379/HĐTD kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế chị T và anh T1 trả hết các khoản nợ cho A. Nếu chị T và anh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của chị Nguyễn Thị Bạch H và anh Phạm Tiến H2 để thu hồi nợ theo quy định. Trong trường hợp nếu số tiền thu thực tế từ

việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1.

Quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn Nguyễn Thị T và Phạm Trung T1 thống nhất trình bày: Do quen biết với chị Nguyễn Thị H4 là cán bộ A, chị Hải nhờ vợ chồng chị T đứng tên làm thủ tục vay tiền cho chị Hải và chị gái của chị Hải là chị Nguyễn Thị Bạch H sẽ dùng tài sản của chị H thế chấp để bảo đảm cho khoản vay, nên ngày 13-11/2018, chị T đã ký kết HĐTD số: 379/HĐTD tại A - Chi nhánh huyện Văn Chấn – Phòng giao dịch Liên Sơn. Số tiền vay là 2.000.000.000 đồng. Thực tế vợ chồng chị không có nhu cầu vay vốn, không được nhận số tiền trên và không biết ai là người nhận số tiền đó. Sau khi giải ngân A cũng không đến đòi nợ gốc, lãi mà chỉ thông báo các khoản nợ. Đến nay A khởi kiện buộc vợ chồng chị phải trả tiền gốc và lãi, vợ chồng chị chỉ là người đứng ra vay tiền giúp chị Hải, vợ chồng chị không nhận tiền, không hưởng lợi ích gì từ việc vay tiền, do đó đề nghị A thanh lý tài sản bảo đảm của chị Nguyễn Thị Bạch H để giải quyết khoản vay trên do vợ chồng chị đứng tên tại A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bạch H và anh Phạm Tiến H2 thống nhất trình bày: Khoảng tháng 11/2018 em gái của chị H là Nguyễn Thị H4 lúc đó công tác tại A - Chi nhánh huyện Văn Chấn có vay mượn của một số hộ gia đình nhưng không có khả năng trả nợ. Để khắc phục hậu quả, A động viên gia đình vay tiền để trả vào các khoản vay mà chị Hải đã vay của khách hàng. Do đó chị H và chị Hải đã nhờ anh T1 và chị T đứng tên vay hộ số tiền 2.000.000.000 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay này anh, chị đã thế chấp 01 căn nhà và đất tại tổ 4, phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Khi thế chấp tài sản bên A có nói “cứ yên tâm không ai làm gì các em cả, nhà các em cứ ở, em Hải sẽ không mất việc làm”. Do tin tưởng A nên anh, chị mới đồng ý và ký hợp đồng thế chấp thế chấp và các giấy tờ khác để thế chấp tài sản cho A, lấy tiền trả nợ cho các khoản vay của chị Hải. Nay A khởi kiện yêu cầu chị T và anh T1 trả gốc và lãi, bản thân anh, chị là người liên quan anh, chị không đồng ý xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ gốc và lãi cho khoản vay trên.

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Thái HA và cháu Nguyễn TN (con của anh D, chị H3) thống nhất trình bày: Ngôi nhà chị Nguyễn Thị Bạch H thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của chị T và anh T1 là tài sản của gia đình anh D, chị H3 mua năm 2018 trong đó các con của anh chị là Hoàng Anh và Ngân mỗi người có đóng góp tiền và vàng giá trị khoảng hơn 10 triệu, cho anh chị để mua nhà và đất. Nguồn gốc ngôi nhà là anh D, chị H3 nhận chuyển nhượng của ông Đàm Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Nguyệt vào tháng 3/2018 với giá 1.650.000.000 đồng, sau khi mua anh chị đã sửa chữa nhà và do vợ chồng anh, chị chưa có hộ khẩu tại thị xã Nghĩa Lộ nên đã nhờ chị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiền mua nhà là tiền của vợ chồng anh chị và các con anh chị, không mua chung với ai khác. Khi chị H làm thủ tục thế chấp tài sản nhà, đất đó để

bảo đảm cho khoản vay của anh T1, chị T, chị H3 và anh D đều biết và đồng ý về việc thế chấp này, anh Nguyễn Thái HA và cháu Ngân không nhớ có biết sự việc này không. Nay A khởi kiện chị T và anh T1 yêu cầu trả gốc và lãi và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, anh D, chị H3 không đồng ý.

Người làm chứng, chị Nguyễn Thị H4 trình bày: Khoảng tháng 10 năm 2018 khi chị Hải là cán bộ A – Chi nhánh huyện Văn Chấn đã vay lại một số tiền của khách Hng vay vốn tại Chi nhánh huyện Văn Chấn. Sau khi A đối chiếu công nợ phát hiện sự việc nên lãnh đạo A yêu cầu chị Hải hoàn trả số tiền cho khách Hng nhưng do không có khả năng thanh toán nên lãnh đạo A Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Yên Bái và lãnh đạo A Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Văn Chấn đã động viên gia đình chị Hải gồm bố, mẹ, chú, dì anh, chị em ruột dùng tài sản của mình thế chấp cho A vay vốn để lấy tiền trả nợ giúp chị Hải. Chị Nguyễn Thị Bạch H là chị gái ruột của chị Hải có hai tài sản, một tài sản tại tổ Ao sen 2, phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, chị H đứng tên trực tiếp vay 3 tỷ đồng, tài sản còn lại tại tổ 4 phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, lãnh đạo A Nông nghiệp huyện Văn Chấn nói nhờ người đứng tên vay hộ, nên chị Hải đã nhờ chị Nguyễn Thị T, trú tại tổ 8 (nay là tổ 6) thị trấn nông trường Liên Sơn, huyện Văn Chấn Yên Bái đứng tên vay hộ số tiền 2 tỷ và thế chấp bằng tài sản của chị gái là Nguyễn Thị Bạch H để bảo đảm cho khoản vay. Lãnh đạo A đều nói với chị Nguyễn Thị T và các anh chị của chị Hải là chỉ đứng tên vay giúp chị Hải, không phải lo trả nợ cứ yên tâm làm ăn phục hồi kinh tế, không để ai mất nH.

Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và xác định được như sau: Thửa đất được chị H thế chấp bảo đảm cho khoản vay của chị T và anh T1 tại tổ 4, phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ đã được cấp GCNQSDĐ số CK745690 mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Thị Bạch H thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 39 có diện tích thực tế là 67,28 m<sup>2</sup>. Hướng Đông giáp đường Nguyễn Thái Học có chiều dài 5,8m; hướng Nam giáp nH ông D Nhật Quang có chiều dài 11,6m; hướng Tây giáp nH Nguyễn Thị Thùy D có chiều dài 5,8m; hướng Bắc giáp đất ông Đặng Văn Lưu có chiều dài 11,6m. Tài sản trên đất có 01 nH xây 3 tầng, diện tích tầng 1 là 66,54m<sup>2</sup>, chiều cao tầng 1 là 4,10m; diện tích tầng 2 là 66,54m<sup>2</sup>, chiều cao tầng 2 là 3,90m; diện tích tầng 3 là 66,54m<sup>2</sup>, chiều cao tầng 3 là 3,00m. Tầng 3 mái lợp tôn, đóng trần nhựa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 17-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 và khoản 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 297; Điều 298; Điều 299; Điều 301; Điều 319 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng...

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai.

Căn cứ vào Điều 47 Luật thi Hành án dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn A. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải trả cho A số tiền tính đến thời điểm xét xử như sau: Tiền gốc 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng), tiền lãi trong hạn 75.205.500 (Bảy mươi lăm triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm) đồng, tiền lãi chậm trả lãi trong hạn 37.087.600 (Ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng, tiền lãi nợ quá hạn là 1.109.589.000 (Một tỷ một trăm linh chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn) đồng. Tổng số tiền phải trả là 3.221.882.100 (Ba tỷ hai trăm hai mươi một triệu tám trăm tám mươi hai nghìn một trăm) đồng.

Trong trường hợp chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đã tuyên ở trên thì A được quyền yêu cầu Cơ quan thi Hành án dân sự kê biên, định giá, bán tài sản bảo đảm là thửa số 21 tờ bản đồ số 39 tại tổ 4 phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái đã được cấp GCNQSDĐ số seri CK745690, số vào sổ cấp GCN CH 03566 cấp cho chị Nguyễn Thị Bạch H + tài sản trên đất gồm 01 nH xây 3 tầng và hệ thống điện, nước gắn liền với ngôi nH để thanh toán cho các nghĩa vụ trả nợ của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 đối với A. Thửa đất có diện tích 67,28 m<sup>2</sup>. Hướng Đông giáp đường Nguyễn Thái Học có chiều dài 5,8m. Hướng Nam giáp nH ông D Nhật Quang có chiều dài 11,6m. Hướng Tây giáp nH bà Nguyễn Thị Thùy D có chiều dài 5,8m. Hướng Bắc giáp đất ông Đặng Văn Lưu có chiều dài 11,6m.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà số tiền thu được vẫn không đủ trả nợ cho A thì chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thi Hành khoản nợ còn thiếu, tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong HĐTD là 150% của mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận 7,5%/năm; phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền lãi trong hạn chậm trả cho đến khi thi Hành xong các nghĩa vụ trả nợ cho A.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm sau khi thanh toán hết các nghĩa vụ mà còn thừa thì được trả lại cho chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Thái HA, cháu Nguyễn TN.

Thủ tục xử lý tài sản bảo đảm (kê biên, định giá, bán tài sản bảo đảm, thanh toán tiền thi Hình án) được thực hiện theo quy định của Luật thi Hình án dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải chịu 96.437.600 (Chín mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho A số tiền tạm ứng án phí dân sự 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đồng đã nộp tại Chi cục Thi Hình án dân sự huyện Văn Chấn theo biên lai số: AA/2021/0003740 ngày 19/06/2023.

3. Về chi phí tố tụng khác: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bạch H phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 6.800.000 (Sáu triệu tám trăm nghìn) đồng. Buộc chị Nguyễn Thị Bạch H phải hoàn trả cho A tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ đã nộp là 6.800.000 (Sáu triệu tám trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi Hình án, quyền thi Hình án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

\* Ngày 21-4-2024 chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án. Ngày 25-7-2024 có đơn trình bày về nội dung kháng cáo, cụ thể như sau:

- Không đồng ý mang tài sản thế chấp để thanh toán khoản nợ do chị T và anh T1 không thanh toán được.

- Yêu cầu xem xét làm rõ nội dung ông Cao Ngọc Thanh – Giám đốc A - Chi nhánh huyện Văn Chấn Yên Bái hứa hẹn khi thuyết phục gia đình chị mang tài sản để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của chị T, anh T1.

- Yêu cầu xem xét lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông La Xuân Hùng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 vắng mặt, không có ý kiến bổ sung gì thêm tại cấp phúc thẩm.

Người kháng cáo chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) rút một phần kháng cáo về án phí sơ thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tiến H2, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Thái HA, cháu Nguyễn TN là những người liên quan đến kháng cáo vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ, không bổ sung ý kiến gì thêm tại cấp phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự về cơ bản đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hình thức: Xét đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3 được nộp trong hạn luật định, đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo.

- Về nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3: Không đồng ý mang tài sản thế chấp để thanh toán khoản nợ do chị T và anh T1 không thanh toán được, xét thấy: Thỏa thuận của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng ý chí, thỏa thuận của các bên ký kết hợp đồng, các bên tham gia ký kết hợp đồng thế chấp đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Cho nên, không có căn cứ cho chấp nhận kháng cáo về việc không đồng ý mang tài sản thế chấp để thanh toán khi bị đơn không thực hiện được hợp đồng tín dụng; Về yêu cầu xem xét làm rõ nội dung ông Cao Ngọc Thanh - Giám đốc A - Chi nhánh huyện Văn Chấn Yên Bái hứa hẹn khi thuyết phục gia đình chị mang tài sản để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của chị T, anh T1: Không có căn cứ xem xét; Về yêu cầu xem xét lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu xem xét lại chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là có căn cứ, đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Về việc rút yêu cầu kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm của chị H, chị H3 đề nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo này.

Ngoài ra, đề nghị HĐXX phúc thẩm tuyên nếu tài sản sau thi hành án còn thừa thì trả cho chị Nguyễn Thị Bạch H vì chị H là chủ sở hữu và là người thế chấp tài sản.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148; điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3 sửa bản án sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 29-02-2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái về phần chi phí tố tụng và tuyên xử lý tài sản còn thừa sau thi hành án. Đình chỉ nội dung kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm; Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

[1.2]. Xét đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3 được nộp trong hạn luật định, đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tiến H2, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Thái HA, cháu Nguyễn TN; Người làm chứng: chị Nguyễn Thị H4 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 3 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiền Hnh xét xử vắng mặt họ.

[2]. Xét kháng cáo và trình bày về nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3.

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 379/HĐTD vào ngày 13/11/2018 được ký giữa A với chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với các quy định tại các Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực. Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa trả bất cứ khoản tiền gốc, tiền lãi nào. Nên A khởi kiện yêu cầu chị T, anh T1 phải thanh toán số tiền là 3.221.882.100 đồng, trong đó: Tiền gốc 2.000.000.000, tiền lãi trong hạn 75.205.500 đồng, tiền lãi chậm trả lãi trong hạn 37.087.600 đồng, tiền lãi nợ quá hạn là 1.109.589.000 đồng là đúng, toà án cấp sơ thẩm giải quyết thụ lý, giải quyết là phù hợp.

[2.2]. Về nội dung hợp đồng thế chấp và xử lý tài sản thế chấp:

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 379/HĐTC ngày 13/11/2018, chị Nguyễn Thị Bạch H đã tự nguyện dùng tài sản là nH và đất tại tổ 4, phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, thuộc thửa đất số 21 tờ bản đồ số 39 thuộc quyền sở hữu của chị, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK745690 do UBND thị xã Nghĩa lộ, tỉnh Yên Bái cấp ngày 5/7/2018 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong trường hợp chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A theo hợp đồng tín dụng số 379/HĐTD ngày 13/11/2018 giữa A với chị T.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất giữa chị H và A được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực Hnh vi dân sự, công nhận về sự thỏa thuận hợp pháp, không trái đạo đức xã hội. Do đó theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Đất



đại thì chị H đã là người sở hữu hợp pháp của tài sản đang thế chấp, có đầy đủ các quyền của chủ tài sản. Nội dung hợp đồng thế chấp là để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bên vay, từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực pháp luật thì các bên phải thực hiện quyền nghĩa vụ của mình đã được ghi trong hợp đồng. Nay bên vay không có khả năng trả nợ cho A, thì A đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thanh toán khoản vay của bên vay là phù hợp, đúng thỏa thuận được ghi trong hợp đồng thế chấp và đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hợp đồng thế chấp bất động sản giữa các bên có đăng ký biện pháp bảo đảm phù hợp với Điều 298, Điều 319 Bộ luật Dân sự nên tài sản thế chấp sẽ bị xử lý khi bị đơn không trả nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 299 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

Việc gia đình chị H3 trình bày tài sản chị H dùng thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay của bị đơn là tài sản chung của gia đình chị H3 và nhờ chị H đứng tên, gia đình chị H3 không đồng ý xử lý tài sản thế chấp là không phù hợp, không có căn cứ pháp lý. Liên quan đến việc thỏa thuận nhờ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa chị H và chị H3, thấy rằng: Đây là quan hệ pháp luật khác, nếu xảy ra tranh chấp về quyền sở hữu tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu gia đình chị H3 có yêu cầu, không liên quan đến vụ án này. Nên hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, kháng cáo của chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3 là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[2.3]. Về nội dung chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3 cho rằng tại cấp sơ thẩm tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các chứng cứ là các file ghi âm có nội dung ông Cao Ngọc Thanh giám đốc A đã hứa hẹn sẽ không đòi khoản nợ 2 tỷ và sẽ không xử lý hợp đồng thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung file ghi âm đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định nội dung có sự chứng kiến của chị H và chị Nguyễn Thị H4 tại BL 201-203, theo đó nội dung không chứa đựng các thông tin của hợp đồng tín dụng giữa A và chị T, anh T1, cũng không có lời thuyết phục hứa hẹn nào giữa ông Cao Ngọc Thanh và gia đình chị H như chị H đã trình bày. Việc bị đơn và người liên quan cho rằng do A vì giúp chị Nguyễn Thị H4 trả các khoản nợ vay tại A nên đã động viên gia đình chị Hải nhờ chị T, anh T1 đứng tên trong hợp đồng tín dụng là không có cơ sở. Do vậy, không có căn cứ để hội đồng xét xử xem xét.

[2.4]. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm chị H xin rút yêu cầu kháng cáo đối với phần án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của chị H là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định “*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bạch H phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 6.800.000... ”* là chưa phù hợp. Tại điều 157 Bộ luật tố tụng Dân sự quy định “*Đương sự phải chịu*

chi phí thẩm định khi yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận”. Trong vụ án này nguyên đơn – A khởi kiện yêu cầu chị T và anh T1 phải thanh toán khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 379/HĐTD vào ngày 13/11/2018. Chị T và anh T1 là người vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, A khởi kiện và yêu cầu của A được chấp nhận, thì người bị kiện là chị T, anh T1 là người phải chịu chi phí thẩm định. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa nội dung này như sau: *“Bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 6.800.000...”*

[3]. Những vấn đề khác:

Về việc quyết định xử lý số tiền thừa từ việc xử lý tài sản đảm bảo Hội đồng xét xử thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: *“Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm sau khi thanh toán hết các nghĩa vụ mà còn thừa thì được trả cho chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Văn D cho anh Nguyễn Thái HA, cháu Nguyễn TN”* là chưa phù hợp. Bởi lẽ, chị Nguyễn Thị Bạch H đứng tên chủ sở hữu trên giấy CNQSD đất, chị H là người thực hiện hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của chị T, anh T1, đến ngày xét xử chưa có tài liệu nào chứng minh cho việc chị H không còn quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Việc thỏa thuận giữa chị H và chị H3 là quan hệ pháp luật khác, được giải quyết bằng một vụ án tranh chấp khác nếu gia đình chị H3 có yêu cầu, không liên quan đến vụ án này. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định như trên là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa nội dung này như sau: *“Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm sau khi thanh toán hết các nghĩa vụ mà còn thừa thì được trả cho chị Nguyễn Thị Bạch H”*.

[4]. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày ngày 17-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái về việc xử lý số tiền thừa từ việc xử lý tài sản bảo đảm và chi phí tố tụng.

[5]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên chị Nguyễn Thị Bạch H và chị Nguyễn Thị H3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148; điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm tại bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 17-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự Nguyễn Thị Bạch H, Nguyễn Thị H3.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 17-4-2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 và khoản 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS; Điều 297; Điều 298; Điều 299; Điều 301; Điều 319 của BLDS; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và các Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - A. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải trả cho A số tiền tính đến thời điểm xét xử như sau: Tiền gốc 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, tiền lãi trong hạn 75.205.500 (Bảy mươi lăm triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm) đồng, tiền lãi chậm trả lãi trong hạn 37.087.600 (Ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng, tiền lãi nợ quá hạn là 1.109.589.000 (Một tỷ một trăm linh chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn) đồng. Tổng số tiền phải trả là 3.221.882.100 (Ba tỷ hai trăm hai mươi một triệu tám trăm tám mươi hai nghìn một trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 150% của mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận 7,5%/năm; phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền lãi trong hạn chậm trả.

Trong trường hợp chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đã tuyên ở trên thì A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, định giá, bán tài sản bảo đảm là thửa số 21 tờ bản đồ số 39 tại tổ 4 phường Tân An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái đã được cấp GCNQSDD số seri CK745690, số vào sổ cấp GCN CH 03566 cấp cho chị Nguyễn Thị Bạch H + tài sản trên đất gồm 01 nH xây 3 tầng và hệ thống điện, nước gắn liền với ngôi nH để thanh toán cho các nghĩa vụ trả nợ của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 đối với A. Thửa đất có diện tích 67,28 m<sup>2</sup>, chiều dài cạnh thửa và tọa độ thực tế như sau:

ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
	X (m)	Y (m)
1	2389504.46	474624.00
2	2389507.93	474635.07
3	2389502.40	474636.80
4	2389498.93	474625.72

Hướng Đông giáp đường Nguyễn Thái Học có chiều dài 5,8m. Hướng Nam giáp nh ông D Nhật Quang có chiều dài 11,6m. Hướng Tây giáp nh bà Nguyễn Thị Thùy D có chiều dài 5,8m. Hướng Bắc giáp đất ông Đặng Văn Lưu có chiều dài 11,6m.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà số tiền thu được vẫn không đủ trả nợ cho A thì chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thi Hnh khoản nợ còn thiếu, tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong HĐTD là 150% của mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận 7,5%/năm; phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền lãi trong hạn chậm trả cho đến khi thi Hnh xong các nghĩa vụ trả nợ cho A.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm sau khi thanh toán hết các nghĩa vụ mà còn thừa thì được trả cho chị Nguyễn Thị Bạch H.

Thủ tục xử lý tài sản bảo đảm (kê biên, định giá, bán tài sản bảo đảm, thanh toán tiền thi Hnh án) được thực hiện theo quy định của Luật thi Hnh án dân sự.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải chịu 96.437.600 (*Chín mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho A số tiền tạm ứng án phí dân sự 46.000.000 (*Bốn mươi sáu triệu*) đồng đã nộp tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Văn Chấn theo biên lai số: AA/2021/0003740 ngày 19/06/2023.

- Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 6.800.000 (*Sáu triệu tám trăm nghìn*) đồng. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 phải hoàn trả cho A tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ đã nộp là 6.800.000 (*Sáu triệu tám trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày A có đơn yêu cầu thi Hnh án cho đến khi thi Hnh án xong chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 chậm thi Hnh khoản tiền 6.800.000 (*Sáu triệu tám trăm nghìn*) đồng nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

**2.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Bạch H, chị Nguyễn Thị H3 mỗi người được trả lại 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại các biên lai thu số 0000694 ngày 26/4/2024 và biên lai số 0000694 ngày 26/4/2024 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái

**3.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp Bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Vụ GDKT2-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện Văn Chấn;
- VKSND huyện Văn Chấn;
- Chi cục THADS huyện Văn Chấn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Hoàng Hải Anh**

<p><b>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ</b></p> <p><b>Phạm Hồng Quân Đỗ Thu Hương</b></p>	<p><b>THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA</b></p> <p><b>Hoàng Hải Anh</b></p>
--	---